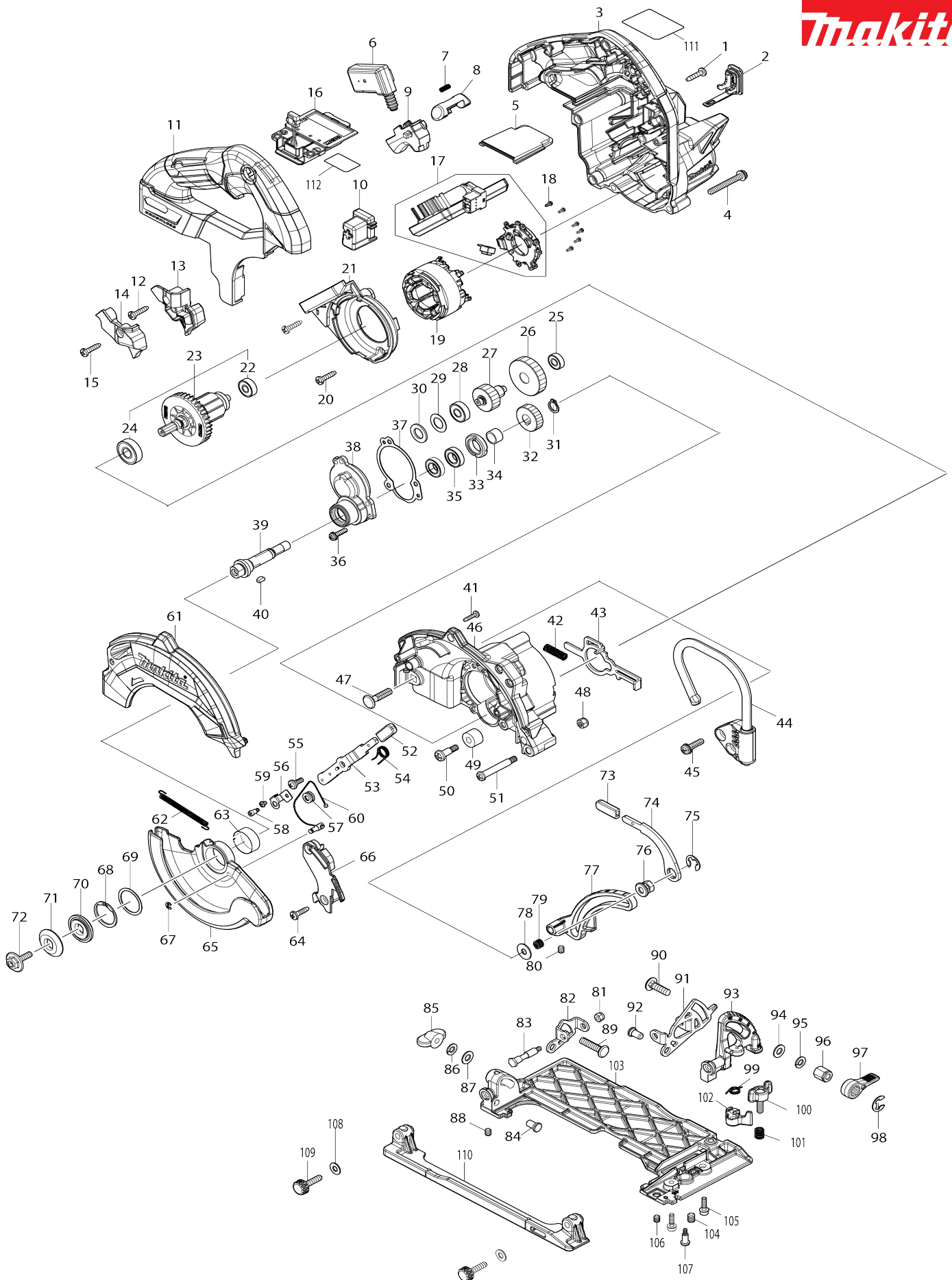




Model No.HS014G Máy Cửa Đĩa Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin

Bản vẽ	Mã Phụ tùng	Mô tả	Tương ứng với	Số lượng	Cũ/ Mới	Giá bán (VNĐ)	Giá nhập (VNĐ)	Ghi chú 1	Ghi chú 2
001	266326-2	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18		6					
002	140F99-0	Nắp hoàn chỉnh		1					
C10	213A05-9	Vòng đệm-o 16		1					
003	1832F3-4	MOTOR HOUSING SET		1	*				
C10	263005-3	Chốt cao su 6		2	*				
003		INC. 11			*				
003-1	1832W2-5	MOTOR HOUSING SET	<	1					
C10	263005-3	Chốt cao su 6		2					
003-1		INC. 11							
004	911263-2	Vít đầu dùi M5X40 WR		3					
005	413J82-7	Nắp giữ ống nước		1					
006	650039-9	Công tắc C3XB-1LPSPM		1					
007	231433-0	Lò xo nén 4		1					
008	459264-7	Nút nhả khóa		1					
009	413975-8	Thanh gạt công tắc		1					
010	459256-6	Giá đỡ		1					
011	1832F3-4	MOTOR HOUSING SET		1	*				
C10	263005-3	Chốt cao su 6		2	*				
011		INC. 3			*				
011-1	1832W2-5	MOTOR HOUSING SET	<	1					
C10	263005-3	Chốt cao su 6		2					
011-1		INC. 3							
012	266326-2	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18		1					
013	4135H2-7	LIGHT CASE		1					
014	4135H3-5	LIGHT COVER		1					
015	266326-2	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18		1					
016	632P65-6	Bộ thiết bị đầu cuối		1					
017	620T80-6	CONTROLLER		1					
018	652119-7	Vít đầu dùi M2X6		6					
019	629C17-8	Stato		1					
020	266326-2	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18		2					
021	412740-2	Tấm chắn gió		1					
022	211012-0	Bạc đạn 606ZZ		1					
023	519640-8	Bộ rôto		1					
023		INC. 22,24							
024	210051-7	Bạc đạn 609LLB		1					
025	210033-9	Bạc đạn 696ZZ		1					
026	226883-2	Nhông xoắn 45		1					
027	226881-6	Nhông xoắn 21		1					
028	210062-2	Bạc đạn 607ZZ		1					
029	253376-6	Long đèn đệm phẳng 11		1					
030	262180-2	Vòng cao su 11		1					
031	961006-2	Vòng giữ (ext) S-10		1					
032	226882-4	Nhông xoắn 22		1					
033	285847-5	Chốt giữ ổ đệm 14-23		1					
034	257493-4	Chụp giữ mũi 10		1					
035	211485-7	Bạc đạn 6800LLU		2					
036	911128-8	Vít đầu dùi M4X16 WR		3					

037	459253-2	Miếng đệm nòng		1				
038	137488-2	BEARING BOX ASS'Y		1				
C10	263002-9	Chốt cao su 4		1				
039	327G69-4	SPINDLE		1				
040	254031-3	Chốt khóa la vết 3		1				
041	266404-8	Vít tự cắt ren đầu siết 3X14		3				
042	233117-6	Lò xo nén 6		1				
043	347643-0	Khóa trục		1				
044	122L07-9	HOOK ASSEMBLY		1				
045	911233-1	Vít đầu dùi M5X20 WR		2				
046	1413H8-0	GEAR HOUSING COMPLETE		1				
C10	213953-6	Vòng đệm-o 24		1				
047	266931-5	Ốc chống xoay đầu hăng M6X25		1				
048	252103-8	Đai ốc khóa lục giác M5-8		1				
049	262511-5	Ống đệm cao su 6		1				
050	265115-2	Vít đầu dùi vai gờ M5X19		1				
051	265056-2	Vít đầu dùi vai gờ M5		1				
052	286036-5	Nắp		1				
053	347E94-7	OPEN LEVER		1				
054	232854-9	Lò xo xoắn 10		1				
055	265028-7	Vít đầu dùi vai gờ M4X11		1				
056	347E95-5	ROLLER PLATE		1				
057	4135H0-1	ROLLER		1				
058	251484-7	Vít vai gờ phẳng M3X4		1				
059	265040-7	Vít đầu dùi M3X4		1				
060	162E52-0	Dây cáp điện		1				
061	4135G8-8	BLADE COVER		1				
062	232994-3	Lò xo thẳng 3		1				
063	347F01-6	THICKNESS LING 23		1				
064	266034-5	Vít tự cắt ren đầu siết 4X16		2				
065	4135G9-6	SAFETY COVER		1				
066	4135H1-9	BLOWER COVER		1				
067	961017-7	Vòng gài trục nhông (NGOÀI) E-3		1				
068	961122-0	Vòng giữ (ext) tròn S-22		1				
069	267471-6	Long đèn đệm phẳng 23		1				
070	224417-5	Mặt bích bên trong 28		1				
071	224421-4	Mặt bích ngoài 28		1				
072	266458-5	Bu-lông đầu lục giác vành lỗ lục giác M6X18		1				
073	286036-5	Nắp		1				
074	347087-4	Thanh khóa mở		1				
075	257982-9	Phe móng ngựa (NGOÀI) E-8		1				
076	252265-2	Đai ốc lục giác M6		1				
077	312K08-1	DEPTH GUIDE		1				
078	253047-5	Long đèn đệm phẳng 6		1				
079	232556-7	Lò xo nén 6		1				
080	266264-8	Vít không đầu lỗ lục giác (vít đuôi bằng) M5X6		1				
081	252126-6	Đai ốc khóa lục giác M4-7		1				
082	347511-7	Thanh dẫn góc sau		1				
083	266932-3	Bu-lông lục giác M4		1				
084	256336-7	Ghim ngang 6-7		1				

085	252631-3	Đai ốc có tai vặn M6		1				
086	253473-8	Vòng đệm lò xo sóng 6		1				
087	941151-9	Long đền đệm phẳng 6		1				
088	266264-8	Vít không đầu lỗ lục giác (vít đuôi bằng) M5X6		1				
089	266309-2	Ốc chống xoay đầu hăng M6X26		1				
090	251919-8	Ốc chống xoay đầu hăng M6X20		1				
091	347510-9	Dẫn hướng góc		1				
092	256336-7	Ghim ngang 6-7		1				
093	312K07-3	ANGULAR PLATE		1				
094	941151-9	Long đền đệm phẳng 6		1				
095	253473-8	Vòng đệm lò xo sóng 6		1				
096	252133-9	Đai ốc lục giác M6		1				
097	272251-7	Đòn bẩy 30		1				
098	961014-3	Vòng gài trục không (NGOÀI) E-8		1				
099	231661-7	Lò xo xoắn 9		1				
100	265761-1	Ốc vít có tai vặn M5X16		1				
101	231456-8	Lò xo nén 7		1				
102	317574-7	Nút dừng		1				
103	312K04-9	BASE		1				
104	266225-8	Vít không đầu lỗ lục giác (vít đuôi bằng) M6X8		1				
105	251501-3	Bu-lông đầu lỗ lục giác M4X14		2				
106	266264-8	Vít không đầu lỗ lục giác (vít đuôi bằng) M5X6		1				
107	265A32-2	Vít đầu dù vai gờ M3		1				
108	941101-4	Long đền đệm phẳng 5		2				
109	252272-5	Ốc vít có tai vặn M5X21		2				
110	1413H7-2	SUB BASE COMPLETE		1				
111	8155X6-1	HS014G NAME PLATE		1				
112	8155X7-9	HS014G SERIAL NO. LABEL		1				
A01	194202-9	Bộ vòi xả bụi		1				
C10	911128-8	Vít đầu dù M4X16 WR		1				
A02	E-28880	TCT SAW EFFI 125X25T		1				
A03	783217-7	Cờ lê lục giác 5		1				
F07	1913K5-7	Bộ bàn kẹp đẩy		1				
F12	1918P3-6	GUIDE RULE SET		1				
F13	194202-9	Bộ vòi xả bụi		1				
F14	194367-7	Bộ ray dẫn hướng 3000		1				
F15	194368-5	Bộ ray dẫn hướng 1400		1				
F16	194385-5	Bộ kẹp		1				
F17	194416-0	Bộ tấm đệm 10000		1				
F18	194417-8	Bộ tấm đệm cao su 10000		1				
F19	194418-6	Bộ tấm đệm định vị 1400		1				
F20	194419-4	Bộ tấm đệm định vị 3000		1				
F21	194910-2	Bộ tấm đệm định vị 1900		1				
F23	194925-9	Bộ ray dẫn hướng 1900		1				
F25	198885-7	Bộ kết nối thanh dẫn hướng		1				
F26	199140-0	Bộ ray dẫn hướng 1000		1				
F27	199141-8	Bộ ray dẫn hướng 1500		1				
F28	199826-6	Bộ bàn kẹp bánh cóc		1				
F29	1918P3-6	GUIDE RULE SET		1				

